

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 – 8
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm đồng cấp ngày 28 tháng 05 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh Giấy phép như sau:

- Lần 1: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 29 tháng 06 năm 2004, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND.
- Lần 2: Giấy xác nhận số 683/KHĐT-ĐKKD ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi Tên Công ty thành “ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng”.
- Lần 3: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND.
- Lần 4: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 18 tháng 06 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 41.391.600.000 VND.
- Lần 5: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 22 tháng 04 năm 2009, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 41.391.600.000 VND lên 85.000.000.000 VND.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy phép như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Số tiền (VND)
1.	Lương Hùng Minh	6.670	66.700.000
2.	Phạm Tuấn Anh	1.850	18.500.000
3.	Trần Quang Long	5.000	50.000.000
4.	Võ Xuân Sơn	3.000	30.000.000
5.	Phạm Thị Mỹ Dung	5.000	50.000.000
6.	Trần Thu	2.000	20.000.000
7.	Võ Lai	2.000	20.000.000
8.	Lê Cao Ân	1.000	10.000.000
9.	Võ Chí	2.100	21.000.000
10.	Vốn Nhà Nước	510.000	5.100.000.000
11.	Vốn Cổ đông sáng lập khác	461.380	4.613.800.000
12.	Cổ đông thường	7.500.000	75.000.000.000
	Cộng	8.500.000	85.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ : Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt.

Điện thoại : (0633) 832 511 – 828 127 – 825 549

Fax : (0633) 830 142

Email : ctyvxlxdlld@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : **5800391633**

- Các Xí nghiệp thành viên:

Xí nghiệp Hiệp An

Địa chỉ : Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3913219

(063) 3840872

Fax : (063) 3840609

Mã số thuế : **5800391633 – 001**

Xí nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ

Địa chỉ : Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3848862

Fax : (063) 3620042

Mã số thuế : **5800391633 – 003**

Xí nghiệp Đá Cát

Địa chỉ : 17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3832512

Mã số thuế : **5800391633 – 004**

Xí nghiệp Hiệp Tiến

Địa chỉ : Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3868560

Fax : (063) 3868555

Mã số thuế : **5800391633 – 006**

Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực

Địa chỉ : 17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3552318

Mã số thuế : **5800391633 – 007**

- Công ty con: Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành.
- Công ty liên kết: Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
- Hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 26).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2009 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Ông Lương Hùng Minh

Ông Phạm Tuấn Anh

Ông Lương Minh Nhật

Ông Võ Xuân Sơn

Ông Lê Xuân Diệp

Ông Lê Đình Hiên

Ông Nguyễn Danh Cường

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Ông Vũ Ngọc Phách

Ông Hầu Văn Tuấn

Bà Đào Thị Tuyết Hạnh

Bà Phan Phạm Phú Nam Châu

Bà Mai Hồng Hạnh

Chức vụ

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Lương Hùng Minh

Ông Võ Xuân Sơn

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó tổng Giám đốc

Kế toán Trưởng

Họ và tên

Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Chức vụ

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán trong việc trình Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

LƯƠNG HÙNG MINH – Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Lạt, ngày 15 tháng 07 năm 2009

Số: 2047/2009/BCTC-KTTV

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 07 năm 2009, từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp nhận) và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2009

VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79,613,491,451	89,519,359,160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,137,894,751	20,061,870,307
Tiền	111		24,137,894,751	20,061,870,307
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4,000,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	21,293,248,054	40,013,048,470
1. Phải thu khách hàng	131		16,684,208,957	13,291,223,530
2. Trả trước cho người bán	132		5,753,150,268	24,797,849,162
3. Các khoản phải thu khác	135		2,493,640,218	5,508,013,392
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,637,751,389)	(3,584,037,614)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	23,663,698,800	24,404,041,699
Hàng tồn kho	141		23,663,698,800	24,404,041,699
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,518,649,846	5,040,398,684
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	445,138,819	644,847,894
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		977,705,187	557,748,108
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		736,812,976	914,085,551
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	4,358,992,864	2,923,717,131
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99,301,991,837	78,290,958,856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	
II. Tài sản cố định	220		94,262,304,971	74,387,052,928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	79,972,852,930	51,988,472,783
<i>Nguyên giá</i>	222		138,339,974,581	104,593,494,985
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58,367,121,651)	(52,605,022,202)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1,748,182,886	1,900,370,683
<i>Nguyên giá</i>	228		3,990,030,423	3,990,030,423
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,241,847,537)	(2,089,659,740)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	12,541,269,155	20,498,209,462
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,174,038,434	1,098,090,588
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	1,174,038,434	1,098,090,588
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,865,648,432	2,805,815,340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3,586,880,814	2,592,255,252
2. Tài sản dài hạn khác	268		278,767,618	213,560,088
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		178,915,483,288	167,810,318,016

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		76,425,009,618	93,392,274,841
I. Nợ ngắn hạn	310		53,165,027,258	49,305,396,213
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	12,225,896,635	15,794,767,928
2. Phải trả người bán	312	V.13	10,892,578,071	12,441,075,825
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	4,220,125,498	5,294,925,407
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	837,697,891	398,816,164
5. Phải trả người lao động	315		7,055,479,840	7,013,498,154
6. Chi phí phải trả	316		17,000,000	111,406,000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	17,916,249,323	8,250,906,735
II. Nợ dài hạn	330		23,259,982,360	44,086,878,628
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	23,076,507,149	43,717,918,783
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		183,475,211	368,959,845
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102,490,473,670	74,418,043,175
I. Vốn chủ sở hữu	410		93,420,098,564	66,336,660,634
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	69,830,180,000	41,355,600,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,415,630,720	13,910,464,220
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2,425,234,557)	(2,425,234,557)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,036,529,919	6,386,034,132
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,145,185,901	827,870,245
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,417,806,581	6,281,926,594
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1,294,730,534	998,930,128
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1,294,730,534	998,930,128
III. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		7,775,644,572	7,082,452,413
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		178,915,483,288	167,810,318,016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		1,052,863,586	1,052,863,586
2. Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		168,663.95	89,435.87

Thành phố Đà Lạt, ngày 15 tháng 07 năm 2009.

LƯƠNG HÙNG MINH
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		66,458,145,736	73,994,292,032
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	66,458,145,736	73,994,292,032
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48,166,227,179	45,165,383,010
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18,291,918,557	28,828,909,022
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	311,888,902	4,283,434,475
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	3,107,044,718	1,359,010,366
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2,986,412,465	1,359,010,366
8 Chi phí bán hàng	24		4,810,826,779	4,184,620,048
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,308,256,251	9,505,856,757
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,377,679,711	18,062,856,326
11 Thu nhập khác	31		282,832,980	220,087,311
12 Chi phí khác	32		36,194,973	5,166,276,811
13 Lợi nhuận khác	40		246,638,007	(4,946,189,500)
14 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	40		107,447,846	
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,731,765,564	13,116,666,826
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		514,486,094	1,548,550,738
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3,217,279,470</u>	<u>11,568,116,088</u>
<i>Trong đó</i>				
- Thuộc về chủ sở hữu Công ty mẹ			2,451,310,195	9,117,798,676
- Thuộc về cổ đông thiểu số			765,969,275	2,450,317,412
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>531.72</u>	<u>2,288</u>

Thành phố Đà Lạt, ngày 15 tháng 07 năm 2009.

LƯƠNG HÙNG MINH
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		3,731,765,564	13,116,666,826
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,914,287,246	4,008,897,511
- Các khoản dự phòng	03		(86,796,649)	1,602,180,014
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(54,730,300)	-
- Chi phí lãi vay	06		2,986,412,465	1,359,010,366
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		12,490,938,326	20,117,597,101
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7,375,308,547)	(36,202,477,574)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,388,216,576	(7,625,117,776)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22,782,190,931	30,296,813,013
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,512,843,151)	864,164,698
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,986,412,465)	(1,359,010,366)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(317,783,810)	(1,180,278,949)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			15,669,172,271
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(62,748,000)	(5,288,247,636)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		25,406,249,860	15,292,614,782
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25,789,539,289)	(24,875,137,028)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4,000,000,000)	(3,000,000,000)
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		54,730,300	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(29,734,808,989)	(27,875,137,028)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		29,979,746,500	
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23,643,574,897	29,613,872,473
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44,800,233,824)	(20,804,797,325)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(418,504,000)	(1,918,504,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		8,404,583,573	6,890,571,148
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4,076,024,444	(5,691,951,098)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20,061,870,307	8,264,023,870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		24,137,894,751	6,824,946,163
			0	

Thành phố Đà Lạt, ngày 15 tháng 07 năm 2009.

LƯƠNG HÙNG MINH
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Các Công ty con, Công ty liên kết

Tổng số các Công ty con: 01

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần Hiệp Thành
 - + Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 58,48%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 58,48%

Các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

- Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Tỷ lệ phần sở hữu: 35,00%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 12

6. Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng Iso

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến mười hai (12) năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất trên Báo cáo theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm..

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.051.415.366	863.862.006
- Tiền gửi Ngân hàng	22.086.479.385	19.198.008.301
Cộng	24.137.894.751	20.061.870.307
2. Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	4.000.000.000	-
Cộng	4.000.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn		
- Phải thu khách hàng	16.684.208.957	13.291.223.530
- Trả trước cho người bán	5.753.150.268	24.797.849.162
- Các khoản phải thu khác (*)	2.493.640.218	5.508.013.392
- Dự phòng phải thu ngắn hạn (**)	(3.637.751.389)	(3.584.037.614)
Cộng	21.293.248.054	40.013.048.470
<i>(*) Chi tiết khoản phải thu khác</i>		
- Các khoản phải thu khác		
- Văn phòng Công ty	156.999.788	3.682.164.881
- Xí nghiệp Đá Cát	52.897.975	43.421.331
- Xí nghiệp Xây Lắp	542.063.246	543.651.150
- Xí nghiệp Hiệp An	-	35.511.610
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	8.304.270	36.112.461
- Xí nghiệp Hiệp Lực	106.559.148	42.609.703
- Phải thu cổ đông bên ngoài	1.450.289.003	1.031.785.003
- Các đối tượng khác	99.983.253	92.757.253
Cộng	2.493.640.218	5.508.013.392
<i>(**) Chi tiết khoản dự phòng</i>		
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	(3.495.078.147)	
- Công ty Cổ phần Hiệp Thành	(142.673.242)	
Cộng	(3.637.751.389)	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	9.620.277.175	6.825.447.562
- Công cụ dụng cụ	746.848.378	917.107.913
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.773.191.295	4.904.144.755
- Thành phẩm	7.519.980.380	11.753.939.897
- Hàng hóa	<u>3.401.572</u>	<u>3.041.572</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>23.663.698.800</u>	<u>24.404.041.699</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Văn phòng Công ty	-	-	-	-
Xí nghiệp Hiệp An	280.670.757	164.893.803	336.105.714	109.458.846
Xí nghiệp Hiệp Lực	156.873.512	175.086.396	176.241.829	155.718.079
Xí nghiệp Thanh Mỹ	140.245.902	-	90.000.000	50.245.902
Xí nghiệp Hiệp Tiến	34.618.583	7.752.509	22.172.242	20.198.850
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	<u>32.439.140</u>	<u>382.344.625</u>	<u>305.266.623</u>	<u>109.517.142</u>
Cộng	<u>644.847.894</u>	<u>730.077.333</u>	<u>929.786.408</u>	<u>445.138.819</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng

- Xí nghiệp Hiệp An	19.168.194	33.340.065
- Xí nghiệp Hiệp Lực	54.948.004	53.805.781
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	13.000.000	-
- Xí nghiệp Thanh Mỹ	135.765.979	66.379.979
- Văn Phòng Công ty	1.662.895.640	297.693.095
- Xí nghiệp Cát Đá	2.260.760	12.000.000
- Xí nghiệp Xây Lắp	2.402.408.247	2.402.858.247
- Công ty cổ phần Hiệp Thành	<u>68.546.040</u>	<u>520.858.884</u>
Cộng	<u>4.358.992.864</u>	<u>2.923.717.131</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quân lý</i>	<i>Cây lâu năm</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	32.802.371.632	56.511.982.601	13.523.308.636	1.302.765.405	136.658.892	316.407.819	104.593.494.985
2. Tăng trong kỳ	13.039.406.719	17.500.352.200	2.796.290.113	136.839.136	273.591.428	-	33.746.479.596
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	45.841.778.351	74.012.334.801	16.319.598.749	1.439.604.541	410.250.320	316.407.819	138.339.974.581
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	16.300.886.556	29.330.637.254	5.678.676.215	973.483.704	125.702.322	195.636.151	52.605.022.202
2. Tăng trong năm	1.361.396.193	3.350.848.792	931.199.076	89.351.032	20.677.808	8.626.548	5.762.099.449
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	17.662.282.749	32.681.486.046	6.609.875.291	1.062.834.736	146.380.130	204.262.699	58.367.121.651
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	16.501.485.076	27.181.345.347	7.844.632.421	329.281.701	10.956.570	120.771.668	51.988.472.783
2. Số cuối năm	28.179.495.602	41.330.848.755	9.709.723.458	376.769.805	263.870.190	112.145.120	79.972.852.930

8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	<i>Hệ thống quản lý chất lượng ISO</i>	<i>Chi phí hàm mô, thăm dò</i>	<i>Chi phí đền bù, giải tỏa</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng</i>
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	340.449.325	1.166.858.343	1.361.936.755	1.120.786.000	3.990.030.423
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	340.449.325	1.166.858.343	1.361.936.755	1.120.786.000	3.990.030.423
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	92.110.310	364.212.327	512.551.103	1.120.786.000	2.089.659.740
2. Tăng trong kỳ	32.678.429	47.406.398	72.102.971	-	152.187.797
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	124.788.739	411.618.725	584.654.074	1.120.786.000	2.241.847.537
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	248.339.015	802.646.016	849.385.652	-	1.900.370.683
2. Số cuối kỳ	215.660.586	755.239.619	777.282.682	-	1.748.182.886

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự án Hiệp An	10.168.379.090	19.840.165.122
- Dự án trạm trộn bê tông Hiệp Lực	20.000.000	313.012.264
- Xí nghiệp Hiệp An	-	106.930.483
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	-	12.530.000
- Dự án Caolanh Trại mát	2.092.272.737	9.090.909
- Đa dạng hóa SP Hiệp An	3.011.882	-
- Công trình Đạ Dâng	31.451.671	-
- Bãi chứa nguyên liệu	9.673.091	-
- Lò Nung thí nghiệm	74.039.350	74.039.350
- Xe goong	142.441.334	142.441.334
Cộng	<u>12.541.269.155</u>	<u>20.498.209.462</u>

10. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

1.174.038.434

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hiệp Phú với tỷ lệ là 35%.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Văn phòng Công ty	1.208.703.494	867.983.019	1.269.062.919	807.623.594
Xí nghiệp Hiệp An	-	1.779.877.669	516.441.920	1.263.435.749
Xí nghiệp Thanh Mỹ	654.613.353	77.182.053	80.000.000	651.795.406
Xí nghiệp Đá Cát	679.191.458	298.440.000	231.672.184	745.959.274
Xí nghiệp Hiệp Tiến	-	109.090.909	13.636.365	95.454.544
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	49.746.947	-	27.134.700	22.612.247
Cộng	<u>2.592.255.252</u>	<u>3.132.573.650</u>	<u>2.137.948.088</u>	<u>3.586.880.814</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn	12.225.896.635	15.703.403.928
- Ngân hàng	12.225.896.635	15.703.403.928
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	91.364.000
Cộng	<u>12.225.896.635</u>	<u>15.794.767.928</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Chi tiết khoản vay

Khoản vay	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng NN&PTNT CN Lâm Đồng	795.600.000	663.704.000	1.068.104.000	391.200.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	6.070.113.900	3.073.237.700	6.070.113.900	3.073.237.700
Ngân hàng công thương	8.837.690.028	13.113.590.462	13.189.821.555	8.761.458.935
Nợ dài hạn đến hạn trả	91.364.000		91.364.000	-
Cộng	15.794.767.928	16.850.532.162	20.419.403.455	12.225.896.635

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Xí nghiệp Hiệp An	1.291.863.132	718.582.990
- Xí nghiệp Hiệp Lực	978.392.979	740.665.792
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	1.294.304.625	954.935.666
- Xí nghiệp Thạnh Mỹ	17.520.000	18.300.000
- Văn Phòng Công ty	4.642.454.097	7.630.431.528
- Xí nghiệp Cát Đá	1.353.712.094	984.866.236
- Xí nghiệp Xây Lắp	549.847.470	549.847.470
- Công ty cổ phần Hiệp Thành	764.483.674	843.446.143
Cộng	10.892.578.071	12.441.075.825

14. Người mua trả tiền trước

- Xí nghiệp Hiệp An	9.000	21.728.287
- Xí nghiệp Hiệp Lực	102.495.000	-
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	40.242.020	40.242.020
- Xí nghiệp Thạnh Mỹ	338.272.370	270.253.775
- Văn Phòng Công ty	1.763.998.399	3.180.191.735
- Xí nghiệp Cát Đá	22.037.500	243.443.000
- Xí nghiệp Xây Lắp	1.448.458.263	1.448.458.263
- Công ty cổ phần Hiệp Thành	504.612.946	90.608.327
Cộng	4.220.125.498	5.294.925.407

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

15. Thuế và các khoản phải nộp khác

STT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
I.	Thuế	(577.094.251)	4.398.531.724	3.755.620.058	65.817.415
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	104.207.411	2.662.184.707	2.295.090.880	471.301.238
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	260.064.456	260.064.456	-
3.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(770.878.251)	521.288.445	317.783.810	(567.373.616)
	+ Công ty Cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	(900.613.547)	367.645.564	181.246.163	(714.214.146)
	+ Công ty Cổ phần Hiệp Thành	129.735.296	153.642.881	136.537.647	146.840.530
5.	Thuế tài nguyên (*)	59.609.720	950.282.905	914.856.836	95.035.789
	+ Công ty Cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	71.260.160	890.067.460	863.931.209	97.396.411
	+ Công ty Cổ phần Hiệp Thành	(11.650.440)	60.215.445	50.925.627	(2.360.622)
6.	Tiền thuê đất (*)	(1.821.564)	162.783.792	181.200.436	(20.238.208)
7.	Các loại thuế khác	31.788.433	101.991.875	46.688.096	87.092.212
	- Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	31.788.433	90.991.875	35.688.096	87.092.212
II.	Các khoản phải nộp khác	61.824.864	461.679.701	488.437.065	35.067.500
	Phí bảo vệ môi trường	61.824.864	461.679.701	488.437.065	35.067.500
	Cộng	(515.269.387)	4.860.211.425	4.244.057.123	100.884.915

(*) Khoản thuế được trình bày trên phần thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	204.637.425	171.925.427
- Bảo hiểm xã hội	188.433.107	43.545.106
- Bảo hiểm Y tế	48.196.071	-
- Phải trả khác	17.474.982.720	8.035.436.202
Cộng	17.916.249.323	8.250.906.735

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

17. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn	23.076.507.149	43.717.918.783
- Ngân hàng Công thương	21.059.931.264	22.647.576.773
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Lâm Đồng	2.016.575.885	18.349.020.818
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Lâm Đồng	-	621.076.833
- Ngân hàng Ngoại thương	-	460.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT - CN Lâm Đồng	-	1.640.244.359
Cộng	23.076.507.149	43.717.918.783

Chi tiết khoản vay

Khoản vay	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng Phát triển	621.076.833	-	621.076.833	-
Ngân hàng Ngoại Thương	460.000.000	-	460.000.000	-
Ngân hàng Công thương	22.639.461.003	3.298.006.850	4.877.536.589	21.059.931.264
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	18.357.136.588	532.775.885	16.873.336.588	2.016.575.885
Ngân hàng NN & PTNT CN Lâm Đồng	1.640.244.359	-	1.640.244.359	-
Cộng	43.717.918.783	3.830.782.735	24.472.194.369	23.076.507.149

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	41.355.600.000	13.910.464.220	(2.425.234.557)	6.386.034.132	827.870.245	6.281.926.594	66.336.660.634
- Tăng vốn trong kỳ	28.474.580.000	-	-	-	-	-	28.474.580.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	3.217.279.470	3.217.279.470
- Tăng khác	-	1.555.166.500	-	650.495.787	317.315.657	-	2.522.977.943
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	50.000.000	-	-	-	7.081.399.483	7.131.399.483
Số dư cuối năm nay	69.830.180.000	15.415.630.720	(2.425.234.557)	7.036.529.919	1.145.185.902	2.417.806.581	93.420.098.564

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	6.903.610.000	3.577.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	62.926.570.000	37.778.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	15.415.630.720	13.910.464.220
- Cổ phiếu quỹ	(2.425.234.557)	(2.425.234.557)
Cộng	82.820.576.163	52.840.829.663

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.983.018	4.135.560
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.983.018	4.135.560
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	150.000	150.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.833.018	3.985.560
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.833.018	3.985.560
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(**) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi : Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	<u>Kỳ này</u>
Doanh thu bán hàng	<u>66.458.145.736</u>
Doanh thu thuần	<u>66.458.145.736</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hoá đã bán	<u>48.166.227.179</u>
Cộng	<u>48.166.227.179</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	280.388.902
- Lãi tiền cho vay và lãi hợp tác kinh doanh	31.500.000
Cộng	<u><u>311.888.902</u></u>

4. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	2.986.412.465
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.870.167
- Chiết khấu thanh toán	58.591.423
- Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	17.806.416
- Khác	36.364.247
Cộng	<u><u>3.107.044.718</u></u>

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.912.829.772
- Chi phí nhân công	40.440.709.903
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.928.641.389
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.785.681.818
- Chi phí khác	9.339.459.031
Cộng	<u><u>227.407.321.913</u></u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐVT</u>	<u>Kỳ này</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	38,81
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	61,19
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45,11
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54,89
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,25
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,22

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ này
Tỷ suất sinh lời		
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,03
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,01
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	0,02

Tỉnh Lâm Đồng, ngày 15 tháng 07 năm 2009

LƯƠNG HÙNG MINH
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
Người lập biểu